

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ P
TỈNH GIA LAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 15/2021/KDTM-ST

Ngày: 09-7-2021

V/v Tranh chấp hợp đồng tín
dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hồng Thắm
- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Quách Đình Hoàng
2. Bà Doãn Thị Lệ
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Sứ – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân thành phố P tham gia phiên tòa:* Bà Trần Thị Thắng Trinh – Kiểm sát viên

Ngày 09 tháng 7 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 17/2021/TLST-KDTM ngày 05 tháng 3 năm 2021 về : “Tranh chấp về hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2021/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV). Địa chỉ trụ sở: Tháp BIDV, 35 Hàng Vôi, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thế Nhân, Chức vụ: Phó Giám đốc Phòng Giao dịch Thành Công Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Chi nhánh Nam Gia Lai. Địa chỉ: Số 13 P B C, thành phố P, tỉnh Gia Lai (Văn bản ủy quyền ngày 14-5-2021). Có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà N T T P.

Địa chỉ: 75 S V H, Tổ 02, phường H T, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 25 tháng 01 năm 2021, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn là Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam do người đại diện theo ủy quyền là ông N T N trình bày:

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Sau đây viết tắt là: Ngân hàng BIDV) thông qua Ngân hàng BIDV chi nhánh Nam Gia Lai – Phòng giao dịch Thành Công đã ký kết với bà N T T P các Hợp đồng tín dụng, cụ thể như sau:

Hợp đồng tín dụng số 02/2018/11193203/HĐTD ngày 16-10-2018 với nội dung chính như sau: Số tiền cho vay: 400.000.000đ (*Bốn trăm triệu đồng*). Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động kinh doanh (Kinh doanh hàng tạp hóa). Thời gian vay: 11 tháng kể từ ngày nhận nợ là ngày 16-10-2018; ngày đến hạn là ngày 15-9-2019. Lãi suất cho vay ban đầu là 9%/năm. Lãi suất cho vay được điều chỉnh định kỳ vào ngày 01 của tháng cuối quý. Trường hợp Ngân hàng áp dụng chính sách giảm lãi suất thấp hơn so với các mức quy định, Ngân hàng sẽ thông báo cụ thể cho khách hàng mà không cần ký hợp đồng phụ lục. Lãi suất quá hạn là 150% lãi suất vay trong hạn của Hợp đồng tín dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

Hợp đồng tín dụng số 01/2019/11193203/HĐTD ngày 27-5-2019 với nội dung chính như sau: Số tiền cho vay: 1.200.000.000đ (*Một tỉ, hai trăm triệu đồng*). Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động kinh doanh (Kinh doanh hàng tạp hóa). Thời gian vay: 11 tháng kể từ ngày nhận nợ là ngày 27-5-2019; ngày đến hạn là ngày 27-4-2020. Lãi suất cho vay ban đầu là 9,8%/năm. Lãi suất cho vay được điều chỉnh định kỳ vào ngày 01 của tháng cuối quý. Trường hợp Ngân hàng áp dụng chính sách giảm lãi suất thấp hơn so với các mức quy định, Ngân hàng sẽ thông báo cụ thể cho khách hàng mà không cần ký hợp đồng phụ lục. Lãi suất quá hạn là 150% lãi suất vay trong hạn của Hợp đồng tín dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

Tổng cộng hai lần vay bà N T T P vay của Ngân hàng BIDV số tiền 1.600.000.000 đồng (*Một tỉ, sáu trăm triệu đồng*). Để đảm bảo nợ vay tại các Hợp đồng tín dụng nêu trên bà N T T P đã thế chấp cho nguyên đơn quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại 67 S V H, Tổ 02, phường H T, thành phố P, tỉnh Gia Lai theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BM 786009, Thửa đất số 249, tờ bản đồ số 16, diện tích: 35,62m² do Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai cấp ngày 25-01-2013 theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2018/11193203/HĐBĐ ngày 21-6-2018.

Trong quá trình quan hệ tín dụng, bà P trả nợ lãi được mười kì và không trả nợ gốc cho Ngân hàng. Ngân hàng BIDV đã nhiều lần liên lạc với khách hàng nhưng bà P đã đi khỏi nơi cư trú, không thông báo cho ngân hàng biết về nơi cư trú mới, bà P đã không thực hiện nghĩa vụ của mình nên đã vi phạm hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Hiện khoản vay này vẫn do Ngân hàng BIDV chi nhánh Nam Gia Lai quản lý, chưa bán hoặc chuyển giao quyền đòi nợ cho bất kỳ tổ chức, cá nhân nào. Vì vậy, Ngân hàng BIDV yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc bà N T T P phải trả cho Ngân hàng BIDV một lần toàn bộ số nợ gốc và tiền lãi phát sinh tính đến ngày xét xử là ngày 09-7-2021 tổng cộng số tiền là:

2.075.330.547 đồng (*Hai tỉ, không trăm bảy mươi lăm triệu, ba trăm ba mươi nghìn, năm trăm bốn mươi bảy đồng*); trong đó: Nợ gốc là 1.600.000.000 đồng và tiền nợ lãi là 475.330.547 đồng (Lãi phát sinh là 354.659.863 đồng, lãi phạt quá hạn 120.670.684 đồng) và phải trả khoản tiền lãi tiếp tục phát sinh từ ngày 10-7-2021 theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi thanh toán hết nợ cho ngân hàng.

Trong trường hợp bà P vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng BIDV thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền, tiến hành kê biên, phát mãi tài sản đảm bảo theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2018/11193203/HĐBĐ ngày 21-6-2018 để xử lý thu hồi nợ.

Đối với bị đơn bà N T T P: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ: Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập để tham dự phiên tòa nhưng bị đơn là bà N T T P vắng mặt và không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 18 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai đối với thửa đất là tài sản thế chấp thế hiện:

Bà N T T P đang quản lý và sử dụng thửa đất được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BM 786009, Thửa đất số 249, tờ bản đồ số 16, diện tích: 35,62m² do Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai cấp ngày 25-01-2013. Địa chỉ thửa đất tại 75 S V H (số cũ 67), phường H T, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Tài sản trên đất 01 nhà gồm 01 tầng + 01 lửng. Hiện tại bà N T T P đang sử dụng ổn định, không có tranh chấp.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:

* Về tuân theo pháp luật tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án trong quá trình giải quyết vụ án thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

Bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn vắng mặt tại các phiên họp và phiên hòa giải; vắng mặt tại phiên tòa và không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Về nội dung vụ án:

Đề nghị xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và trình bày của đương sự tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quyền khởi kiện và thẩm quyền giải quyết:*

Nguyên đơn có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ trả tiền phát sinh từ hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam với bà N T T P. Hợp đồng tín dụng được các đương sự ký kết giữa một bên là cá nhân có đăng ký kinh doanh (hộ kinh doanh) với một bên là tổ chức tín dụng; mục đích vay vốn: Bổ sung vốn lưu động kinh doanh (Kinh doanh hàng tạp hóa). Do đó, Tòa án xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là: “Tranh chấp về hợp đồng tín dụng” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Giữa nguyên đơn và bị đơn đã thỏa thuận thống nhất quy định trong hợp đồng là mọi tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng thì Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai có thẩm quyền thụ lý, giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai có thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; điểm b Khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về việc bị đơn vắng mặt:*

Bị đơn bà N T T P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia tố tụng tại Tòa nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan nên theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] *Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:*

Xét Hợp đồng tín dụng số: 02/2018/11193203/HĐTD ngày 16-10-2018 và Hợp đồng tín dụng số 01/2019/11193203/HĐTD ngày 27-5-2019 giữa nguyên đơn với bị đơn được giao kết trên cơ sở tự nguyện giữa các bên và phù hợp với các quy định của pháp luật, nên có hiệu lực và làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên, các bên có nghĩa vụ thực hiện đúng và đầy đủ các điều khoản đã cam kết. Trong quá trình thực hiện hợp đồng thì bà N T T P đã không thanh toán đúng hạn trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng, vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận của hợp đồng tín dụng. Do đó, Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam yêu cầu bà N T T P thanh toán số tiền còn nợ tính đến hết ngày 09-7-2021 là 2.075.330.547 đồng (*Hai tỉ, không trăm bảy mươi lăm triệu, ba trăm ba mươi nghìn, năm trăm bốn mươi bảy đồng*); trong đó: Nợ gốc là 1.600.000.000đồng và tiền nợ lãi là 475.330.547 đồng (Lãi phát sinh là 354.659.863 đồng, lãi phạt quá hạn 120.670.684 đồng) và tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 10-7-2021) cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bà Phụng phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với thỏa thuận của hai bên trong hợp đồng tín dụng đã ký kết cũng như quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[4] *Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp*: Xét Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2018/11193203/HĐBĐ ngày 21-6-2018 thì thấy rằng: Việc thế chấp tài sản thể hiện ý chí của các bên khi giao kết hợp đồng. Mục đích, nội dung, hình thức của hợp đồng thế chấp phù hợp với quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội và đã được công chứng hợp pháp và tài sản thế chấp đã được đăng ký giao dịch bảo đảm nên có giá trị pháp lý và hiệu lực thi hành. Do vậy, trường hợp bà N T T P không thanh toán được khoản tiền nợ trên thì nguyên đơn được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp nêu trên để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

[5] Bị đơn phải chịu chi phí, xem xét thẩm định tại chỗ do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận. Do đó, bị đơn phải trả lại cho nguyên đơn số tiền 5.000.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

[6] *Về án phí*:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí, trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bị đơn bà N T T P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về kinh doanh, thương mại có giá ngạch.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 30, 35, 39, 40, 70, 72, 92, 147, 227, 228, 266, 271 và Khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; áp dụng khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng các Điều 295, 298, 299, 319, 320, 322, 323, 351, Điều 466, Điều 501 và Điều 502 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 4 và Điều 5 của Nghị định số 102/2017/NĐ-CP ngày 01-9-2017 của Chính phủ về đăng ký biện pháp bảo đảm; Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng nhà nước quy định về hoạt động cho vay của Tổ chức tín dụng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng,

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam

Buộc bà N T T P phải trả cho Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (thông qua Phòng giao dịch Thành Công – Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Gia Lai) số tiền nợ gốc và tiền lãi tính đến hết ngày 09-7-2021 tổng cộng số tiền là: 2.075.330.547 đồng (*Hai tỉ, không trăm bảy*

mười lăm triệu, ba trăm ba mươi nghìn, năm trăm bốn mươi bảy đồng); trong đó: Nợ gốc là 1.600.000.000 đồng và tiền nợ lãi là 475.330.547 đồng (Lãi phát sinh là 354.659.863 đồng, lãi phạt quá hạn 120.670.684 đồng).

Kể từ ngày 10-7-2021, bà N T T P còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 02/2018/11193203/HĐTD ngày 16-10-2018 và Hợp đồng tín dụng số 01/2019/11193203/HĐTD ngày 27-5-2019 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bà N T T P phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Trong trường hợp bà N T T P không trả được số nợ nêu trên thì Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp của bà N T T P là Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại 75 S V H (số cũ 67), phường H T, thành phố P, tỉnh Gia Lai theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BM 786009, Thửa đất số 249, tờ bản đồ số 16, diện tích: 35,62m² do Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai cấp ngày 25-01-2013 tại Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2018/11193203/HĐBĐ ngày 21-6-2018 để thu hồi nợ.

3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Buộc bà N T T P phải trả lại cho Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam số tiền 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*) chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí:

Bà N T T P phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về kinh doanh, thương mại có giá ngạch số tiền là 73.506.611 đồng (*Bảy mươi ba triệu, năm trăm lẻ sáu nghìn, sáu trăm mười một đồng*).

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 35.038.901 đồng (*Ba mươi lăm triệu, không trăm ba mươi tám nghìn, chín trăm lẻ một đồng*) theo biên lai số 0012229 ngày 05 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

5. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

6. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa

thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7, 7a và 7b Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND thành phố P;
- Chi cục THADS thành phố P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Thắm

